

Bản án: 17/2019/ HNGĐ - ST

Ngày 26/11/ 2019

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Toàn;

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Nguyễn Văn Khôi
2. Bà Hoàng Thị Chung

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phụng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Động.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên tòa: Ông Đào Duy Đông - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2019/HNGGD - ST ngày 16 tháng 9 năm 2019 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXX- ST ngày 28 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2019/QĐST- DS, ngày 13/11/2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Lục Thị Đ, sinh năm 1988; Có mặt
Địa chỉ: thôn C, xã C, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

* Bị đơn: Anh Hoàng Trường G, sinh năm 1984; Vắng mặt
Địa chỉ: thôn C, xã C, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Trong đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lục Thị Đ trình bày:

a) Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn cùng anh Hoàng Trường G vào ngày 04/3/ 2011, trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C. Cưới xong chị về gia đình anh G ở làm dâu luôn, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ tháng 8/2011, do không hợp nhau và anh G hay rượu chè, cờ bạc không chịu làm ăn, chị bảo nhưng anh G không nghe nên vợ chồng hay cãi nhau và đánh nhau nhiều lần; vợ chồng đã sống ly thân nhau về tình cảm từ cuối năm 2017 cho đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh G được ly hôn nhau.

b) Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là cháu Hoàng Hải Y, sinh ngày 17/11/2011. Vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cháu Hoàng Hải Y, không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị làm công chức nhà nước có mức thu nhập 4.000.000đ/tháng, chị đảm bảo việc nuôi con.

c) Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2. Bị đơn anh Hoàng Trường G xác nhận một phần lời khai của chị Lục Thị Đ trong quá trình tham gia tố tụng anh trình bày:

a) Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Đ vào ngày 04/3/ 2011, trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C. Cưới xong chị Đ về gia đình anh ở làm dâu luôn, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng không có gì lớn, vợ chồng đôi khi cũng có cãi chửi nhau vài lần nhưng không đánh nhau; vợ chồng đã sống ly thân nhau về tình cảm từ cuối năm 2017 cho đến nay.

Nay chị Đ xin ly hôn anh không đồng ý, vì anh xác định tình cảm vẫn còn và không có mâu thuẫn gì lớn.

b) Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là cháu Hoàng Hải Y, sinh ngày 17/11/2011, nếu vợ chồng ly hôn cháu có nguyện vọng ở với chị Đ anh đồng ý. Về cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận

c) Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa chị Lục Thị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu, chị xin được ly hôn anh G.

* Phần tranh luận của các đương sự: Do bị đơn vắng mặt nên không có tranh luận.

* Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành là vi phạm về nghĩa vụ. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà anh Đ vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên

Tòa án xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 và 271 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ – UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lục Thị Đ và anh Hoàng Trường G được ly hôn nhau.

Về con chung: Giao cho chị Lục Thị Đ nuôi dưỡng cháu Hoàng Hải Y, sinh ngày 17/11/2011; về cấp dưỡng nuôi con chị Đ không có yêu cầu.

Về tài sản: Chị Đ, anh G không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Lục Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lục Thị Đ khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Hoàng Trường G. Đồng thời anh G đang cư trú tại huyện S. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

a) Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn chị Lục Thị Đ, bị đơn anh Hoàng Trường G và những tài liệu, chứng cứ do các bên xuất trình, có cơ sở xác định: Chị Lục Thị Đ kết hôn cùng anh Hoàng Trường G vào ngày 04/3/2011, trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C số 09 ngày 04/3/2011. Cưới xong chị Đ về gia đình anh G ở làm dâu luôn, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc. Xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh G là hợp pháp.

Quá trình chung sống với nhau thì mâu thuẫn xảy ra bắt đầu từ tháng 8 năm 2011, do tính cách sống không hợp nhau, không quan tâm đến nhau, bảo nhau không ai nghe ai nên vợ chồng cãi nhau nhiều lần nhưng không đánh nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay chị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh G được ly hôn nhau, còn anh G muốn vợ chồng về đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị

Đ và anh G đã kéo dài trầm trọng, hai bên sống ly thân đã một thời gian không đoàn tụ được, không thương yêu chung thủy, tôn trọng, quan tâm chăm sóc đến nhau và cùng nhau chia sẻ, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên đã vi phạm nghĩa vụ chung sống vợ chồng theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình; do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Đ xin ly hôn anh G theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

b) Về con chung: Chị Đ và anh G có 01 con chung là cháu Hoàng Hải Y, sinh ngày 17/11/2011, hiện cháu đang ở cùng chị Đ và cháu có nguyện vọng ở với mẹ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Đ có nguyện vọng nuôi con anh G đồng ý; do vậy, giao cháu Y cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

c) Về tài sản: Chị Đ và anh G đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

d) Về án phí: Chị Đ là người dân tộc thiểu số thường xuyên sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, nhưng chị Đ không cung cấp được các giấy tờ để chứng minh và chị Đ xin chịu án phí nên chị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147, 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lục Thị Đ và anh Hoàng Trường G được ly hôn nhau.

[2] Về con chung: Giao cho chị Lục Thị Đ nuôi dưỡng cháu Hoàng Hải Y, sinh ngày 17/11/2011. Về cấp dưỡng nuôi con chị Đ không có yêu cầu. Anh G có quyền thăm con sau khi ly hôn không ai được cản trở anh G.

[3] Về án phí: Chị Lục Thị Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; chị Đ được khấu trừ 300.000đ vào tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp theo biên lai số AA/2010/007069, ngày 16 tháng 9 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động.

Án xử sơ thẩm; báo cho đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

[4] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi

hành án dân sự. Thời hiệu được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Sơn Động;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã C;
- Lưu .

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Toàn